

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ - ST

Ngày 26/7/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 10- thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị L vắng mặt- có đơn xin xử vắng mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Giữa chị L và anh Nguyễn Tiến S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/02/2011 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị L và anh S về chung sống với nhau tại thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh S không tu chí làm ăn lại hay rượu chè rồi chửi bới, đánh đập chị L, mặc dù chị L đã nhẫn nhịn, cùng với gia đình khuyên bảo nhưng không được. Do mâu thuẫn nặng nên từ tháng 02/2012 chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Ng, huyện Q, tỉnh N để sinh sống, đến năm 2015 thì chuyển ra sinh sống tại Đội 10 thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh N, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục

được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến S.

Về con chung, theo chị L khai vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 14/10/2010, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Bình A ở với chị. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Bình A cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh S vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Người làm chứng là bà Vũ Thị Tr là mẹ đẻ anh S cũng có bản tự khai xác định việc kết hôn của anh S và chị L đúng như chị Liên trình bày nêu trên. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống với bà Tr ở thôn Th, xã G, cuộc sống vợ chồng do có khó khăn về kinh tế nên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị L bế con bỏ về quê cũ từ năm 2012 là đúng. Bà Tr cũng thừa nhận do anh S bận đi làm nên không lên Tòa án làm việc được dù các văn bản tố tụng do Tòa án chuyển giao bà Tr đã nhận thay chuyển giao cho anh S.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến S; Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Bình A cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp tiền nuôi con chung; chị L phải nộp án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Tiến S có địa chỉ: Thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn

vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến S là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của chị L, của người làm chứng cũng như qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L và anh S sống chung là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Từ tháng 02/2012 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Ng, huyện Q, tỉnh Ng để sinh sống, đến năm 2015 thì chuyển ra sinh sống tại Đội 10 thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh N, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân anh S không có mặt tại Tòa án để làm việc trong khi anh S vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tổng đạt hợp lệ vẫn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó cũng chứng tỏ anh S cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến Sơn đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của chị Liên có xác nhận của chính quyền địa phương nên Tòa án xác định chị L và anh S có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 14/10/2010, hiện đang ở với chị L. Xét thực tế chị L là người có nhân thân tốt, không vi phạm nghĩa vụ làm mẹ, nên có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung. Do đó cần chấp nhận đề nghị của chị L, giao cho chị Liên được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bình A là thỏa đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Liên không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh S phải đóng góp tiền nuôi con chung là thỏa đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, anh Sơn không có yêu cầu giải quyết mối quan hệ này nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Tiến S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Bình A sinh ngày 14/10/2010 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Bình A đủ 18 tuổi. Anh S không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001154 ngày 14/12/2018.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU QUỐC